

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/20118/HNGĐ-ST

Ngày 26-4-2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Kim San

Ông Đỗ Xuân Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 48/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 766/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Kim C; nơi cư trú: Australia; nơi tạm trú: Phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng,

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Duy L, nơi cư trú: Australia.

Chị Kim C và anh L vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, nguyên đơn chị Bùi Thị Kim C trình bày:

Chị Bùi Thị Kim C và anh Nguyễn Duy L kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh ngày 04 tháng 03 năm 2016, sau khi kết hôn chị C và anh L chung sống với nhau một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thời gian tìm hiểu không lâu nên vợ chồng không hiểu nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017. Nay chị C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn,

không có khả năng đoàn tụ, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Duy L.

Về con chung: Chị C và anh L có một con chung là cháu NL, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2016, anh chị thống nhất để chị C nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành, chị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin ly hôn và đơn đề nghị gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng (có chứng nhận của đại sứ quán Việt Nam tại Australia) bị đơn anh Nguyễn Duy L trình bày thống nhất với chị Bùi Thị Kim C về quá trình kết hôn, lý do xin ly hôn, con chung và tài sản chung.

Do anh L ở nước ngoài nên theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa chị C và anh L vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Bùi Thị Kim C và anh Nguyễn Duy L kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Bùi Thị Kim C có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn, anh Nguyễn Duy L hiện đang cư trú ở nước ngoài nên theo khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Bùi Thị Kim C và anh Nguyễn Duy L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị C và anh L.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn, chị C và anh L chung sống với nhau một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do tính cách và quan điểm sống không phù hợp, cả hai đều không thông cảm và không có biện pháp khắc phục những mâu thuẫn để hòa hợp với nhau. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh L đã thực sự không còn yêu thương nhau, không có khả năng đoàn tụ, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị C và anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn là chính đáng. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị C.

[4]. Về con chung: Chị C và anh L có một con chung là cháu NL, sinh ngày 25 tháng 07 năm 2016, anh chị thống nhất để chị C nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành, chị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung: Chị C và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị C là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Bùi Thị Kim C và anh Nguyễn Duy L được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51; 56; 81; 82; 83 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Kim C và anh Nguyễn Duy L được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyen Liam, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2016 cho chị Bùi Thị Kim C nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Việc cấp dưỡng nuôi con chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Kim C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số **0010633 ngày 28 tháng 3 năm 2018** tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Bùi Thị Kim C đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Kim C và anh Nguyễn Duy L và được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- UBND p. Tân Phong;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Ngọc Dũng